



CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM
191 Bà Triệu - Hà Nội

Mẫu số B03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 2 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay (30.06.08)	Năm trước (30.06.07)
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		87,788,893,223	77,779,100,753
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	
- Khấu hao TSCĐ	02		8,480,400,815	8,219,955,314
- Các khoản dự phòng	03		9,547,031,000	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(164,581,305,839)	(27,565,138,161)
- Chi phí lãi vay	06		47,362,105,691	
- Thu nhập lãi vay	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11,402,875,109)	58,433,917,906
vốn lưu động				-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(142,088,023,131)	(51,607,914,037)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15,246,268,417)	22,489,500
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(151,690,933,546)	12,302,710,985
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(37,450,838,380)	48,670,115
- Tiền lãi vay đã trả	13		7,133,984,172	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		58,262,236,381	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		204,325,371,633	

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(88,157,346,398)	19,199,874,469
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(28,373,226,192)	(619,350,067)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18,000,000,000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,611,187,011,922)	(344,380,014,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		838,692,192,222	449,729,324,000
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(858,680,250,118)	(167,268,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đầu tư khác	26		(49,525,325,966)	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		104,205,658,873	27,565,138,161
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,586,867,963,103)	(34,972,901,906)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		399,831,560,000	18,400,145,972
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(521,623,049,448)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,000,000,000,000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(195,000,000,000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2,204,831,560,000	18,400,145,972
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		8,183,201,052	2,627,118,535
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		396,732,381,363	96,401,314,954
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	31	404,915,582,414	99,028,433,489

Kế toán trưởng
Phạm Thị Lan Anh

Lập, ngày 16 tháng 7 năm 2008
Tổng giám đốc
Mai Hương Nội